TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày 03-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Ông Nguyễn Văn Xô.

- T1 ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh - T1 ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/HSST-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Võ Hồng T1**, sinh năm 1985 tại tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 9, xã D, huyện C, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hồng A (đã chết) và bà Chu Thị L; có vợ là Ngô Thị L, sinh năm 1989 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/11/2017 chuyển tạm giam từ ngày 28/11/2017, đến ngày 17/3/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay "Có mặt".

2. **Vũ Thanh T2**, sinh năm 1977 tại tỉnh N; nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện C, tỉnh N; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ là Hà Thị P, sinh năm 1988 và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/11/2017 chuyển tạm giam từ ngày 28/11/2017 cho đến nay "Có mặt".

3. **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1985 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Xóm 3, xã K, huyện C, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm mướn (phụ xe); trình độ văn hóa: 03/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc M, sinh năm 1946 và bà Trương Thị S, sinh năm 1947; có vợ là Lê Thị T và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/11/2017 chuyển tạm giam từ ngày 28/11/2017, đến ngày 17/3/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay "Có mặt".

4. **Hoàng Văn D**, sinh năm 1977 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện C, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Vũ Thị L (đã chết); có vợ là Phạm Thị H và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/11/2017 chuyển tạm giam từ ngày 28/11/2017 cho đến nay "Có mặt".

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Một thành viên đầu tư T1ơng mại và vận tải Thành V– Đại diện theo pháp luật ông **Trần Thành V**, sinh năm 1971; nơi cư trú: Xóm 11, xã N, thành phố V, tỉnh N, " Vắng mặt".

- Anh **Ngô Sỹ V**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm 9, xã D, huyện C, tỉnh N, " Có mặt".

- Ông **Hoàng H**, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện C, tỉnh N, " Vắng mặt".

- Anh **Nguyễn Ánh S**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện C, tỉnh N, " Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 01/2017, Ngô Sỹ V, sinh năm 1995 ngụ Xóm 9, xã D, huyện C, tỉnh N thuê xe ô tô khách, biển số 37B-006.54 của Công ty Thành Vđể vận tải hành khách. Đến tháng 10/2017, Võ Hồng T1 thuê lại xe của V để chạy dịch vụ vận chuyển khách tuyến Việt Nam-Lào và ngược lại, không làm hợp đồng. T1 thuê Vũ Thanh T2 làm tài xế và Nguyễn Văn T3, Hoàng Văn D, làm phụ xe. Sau khi thuê xe, T1 đã đưa xe đến gara ô tô "Tuấn Anh" thuộc xã K, huyện C, tỉnh N để hàn chế thêm ba ngăn phụ trong xe nhằm mục đích vận chuyển gỗ trái phép qua biên giới. T1 là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận để giao nhận gỗ, nhận tiền công vận chuyển, T2,T3, D phụ bốc gỗ lên xe. Sau mỗi chuyến T1 trả thêm cho T2 từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng; trả cho T3 và D mỗi người 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Vào khoảng 19 giờ ngày 14/11/2017, T1 cùng T2, T3, D chở khách từ tỉnh N, Việt Nam sang nước Lào. Đến khoảng 19 giờ ngày 15/11/2017, xe đến bên xe Bắc Xế thuộc nước Lào thì tất cả hành khách xuống hết. Tại đây, T1 thỏa thuận với người tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) vận chuyển 4,5 tấn gỗ Trắc trái phép từ

Lào về huyện D , tỉnh Nghệ An với tiền công từ 18.000 đồng đến 20.000 đồng/kg, trả tiền công sau khi vận chuyển, T1 đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T1 cùng T2, T3, D đến địa điểm nhận gỗ, cách biên giới Lào – Campuchia khoảng 100m (không rõ địa chỉ). Tại đây, hai xe ô tô tải chở gỗ Trắc cùng 04 người bốc vác (người Lào) đến, T1 mở ba ngăn phụ đã thiết kế để T3, D cùng với những người bốc vác (người Lào) chất gỗ lên xe. Sau đó, T1 cùng T2, T3, D đi qua Campuchia để về Việt Nam. Trên đường về, T1 đón thêm hai người Việt Nam là Hoàng H và Nguyễn Ánh S.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/11/2017, T1 làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam tại Cửa khẩu Quốc tế X thuộc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh nhưng không khai báo số gỗ Trắc và tiền mang theo với Chi cục Hải quan Cửa khẩu Xa Mát. Khi đến đoạn đường thuộc xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh thì bị Chi cục Hải quan Cửa khẩu X phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông dừng phương tiện, đưa về trụ sở Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế X kiểm tra, phát hiện trên xe có 284 lóng gỗ Trắc (trọng lượng 4.562,4 kg), 15.000 đô la Mỹ, 50.000.000 đồng cất trong hộc sau ghế tài xế và thu giữ trên người Võ Hồng T1 5.200.000 Kíp Lào, 3.720.000 đồng, 50 đô la Mỹ. Toàn bộ số tiền này của Võ Hồng T1 mang theo từ nhà để lo chi phí đi lại dọc đường.

Ngoài ra, trong T2 gian từ ngày 16/10/2017 đến 09/11/2017, Võ Hồng T1, Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Văn D khai nhận đã 04 lần vận chuyển trái phép từ 400 kg đến 1.000 kg gỗ Trắc qua biên giới, với tiền công là 13.000 đồng/kg. Tuy nhiên, ngoài lời khai của các bị cáo thì không có chứng cứ khác chứng minh.

Trong quá trình điều tra Võ Hồng T1, Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Văn D đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

* Kết quả định giá tài sản:

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 24/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 27/11/2017 của Hội định giá tài sản trong tố tụng hình sự - tỉnh Tây Ninh kết luận, tại T2 điểm ngày 16/11/2017; 284 lóng gỗ Trắc (4.562,4 kg) có giá thị trường là 866.856.000 đồng.

* Kết quả giám định:

- Kết luận giám định số 207/GT.2017 ngày 26/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chiếc xe ô to Thaco biển số 37B-006.54 có khung số và số máy không bị đục sửa.

- Kết luận giám định số 99/GT.2017 ngày 03/12/2017 của Phòng kỷ thuật hình sự - Công an tỉnh Tây Ninh: 100 (một trăm) tờ tiền Việt Nam đồng (polyme) mệnh giá 500.000 đồng là tiền thật.

- Kết luận giám định số 4003/C54B ngày 18/12/2017 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng cục Cảnh sát kết luận: 150 (một trăm năm mươi) tờ tiền có cùng mệnh giá loại 100 USD cần giám định là tiền thật;

52 (năm mươi hai) tờ tiền quốc gia Lào,có cùng mệnh giá 100.000 cần giám định là tiền thật.

- Bản kết luận giám định mẫu vật số 26/BB-SHNĐ ngày 02/02/2018 cảu Viện Sinh học Nhiệt đới – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam: Toàn bộ số gỗ cần giám định là gỗ Trắc, hay Trắc nam bộ gồm 284 lóng, khúc có tổng khối lượng là 4.562,40 kg (3,986 m^3).

* Xác định tỷ giá ngoại tệ:

- Công văn số 864/TNI-TH,NS&KSNB ngày 04/12/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh cung cấp tỷ giá giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, Kíp Lào ngày 16/11/2017 là:

+ 01 Đô la Mỹ quy đổi bằng 22.449 đồng;

+ 01 Kíp Lào quy đổi bằng 2,71 đồng.

- Biên bản kiểm tra tiền ngày 08/6/2018 của Ngân hàng Nông nhiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân Biên cung cấp: 05 (năm) tờ tiền có cùng mệnh giá loại 10 USD là tiền thật.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng, tài sản:

- 284 khúc gỗ Trắc thuộc nhóm I (Giữ mẫu giám định 03 khúc gỗ);

- Tiền Việt Nam: 50.000.000 đồng; Đô la Mỹ 15.000 USD;

- 01 (một) xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại HB120, màu sơn: vàng; năm sản xuất: 2012; nước sản xuất: Việt Nam, biển số 37B-006.54, số khung: RN5B43-SAKCC000517; số máy: D6CAC236917, đã qua sử dụng;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012488, (biển số đăng ký 37B-006.54), nhãn hiệu Thaco, số loại HB120, màu sơn: vàng; năm sản xuất: 2012; nước sản xuất: Việt Nam; số khung RN5B43-SAKCC000517; số máy: D6CAC236917 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ tỉnh N cấp ngày 24/11/2012;

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số KC 2993723 (biển số đăng ký 37B-006.54), do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3701S thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 20/6/2017;

Thu của bị cáo Võ Hồng T1:

+ Tiền Việt Nam: 3.720.000 đồng; Đô la Mỹ 50USD; 5.200.000 Kíp Lào;

+ 01 (một) giấy phép liên vận Việt Nam – Lào – Campuchia số 126/2017 của xe ô tô biển số 37B-006.54 do Tổng cục đường bộ Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải cấp ngày 19/9/2017; 01 (một) hộ chiếu số: C2322000, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 26/9/2016 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C3967454, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 19/9/2017 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C1037332, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày

02/11/2015 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C3967201, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 19/9/2017 cho Trần Đức S, sinh ngày 10/10/1975; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 186410254, do Công an tỉnh N cấp ngày 07/10/2014 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia: RM-1134, số imel: 3536810845-11674 (tạm giữ của Võ Hồng T1).

Thu của bị cáo Vũ Thanh T2:

+ 01 (một) giấy phép lái xe ô tô số: 400102002221, do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 16/7/2014 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977;

01 (một) hộ chiếu số: C3594437, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 05/7/2017 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 182338488, do Công an tỉnh N cấp ngày 24/3/2015 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977.

Thu của bị cáo Nguyễn Văn T3:

+ 01 (một) hộ chiếu số: C0332057, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 23/4/2015 cho Nguyễn Văn T3, sinh ngày 14/11/1985; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imel: 865257039145651.

Thu của bị cáo Hoàng Văn D:

+ 01 (một) hộ chiếu số: B3883998, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 22/4/2010 cho Hoàng Văn D, sinh ngày 10/02/1977; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imel: 862651038484371.

Thu của ông Hoàng H:

+ 01 (một) hộ chiếu số: B8111302, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 28/6/2013 cho Hoàng H, sinh ngày 01/7/1967.

Thu của ông Nguyễn Ánh S:

+ 01 (một) hộ chiếu số: C2150058, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 02/11/2016 cho Nguyễn Ánh S, sinh ngày 15/01/1985; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số imel 1: 356446084039663; số imel 2: 356447084039661; bên trong có gắn 01 (một) sim mạng Viettel số 0976.667.286; 01 (một) sim mạng Unitel (mạng di động Lào), chưa xác định số thuê bao; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu hồng, model, CPH1609, số imel 1: 3863660032491711; số imel 2: 863660032481703; bên trong có gắn 01 (một) sim mạng Viettel số 0968.426.788, sê-ri: 8984.0488.5100.1304.153; 01 (một) sim mạng Unitel (mạng di động Lào), chưa xác định số thuê bao; sê-ri: 8945.7030.0211.5069.122 (Đây là điện thoại của Võ Hồng T1 gửi).

Đối với Ngô Sỹ V, Hoàng H, Nguyễn Ánh S không biết, không tham gia giúp Võ Hồng T1 vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên không đề nghị xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 14/QĐ/KSĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Võ Hồng T1 về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới"; truy tố các bị cáo Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Văn D về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Võ Hồng T1 phạm tội " Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới", đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Võ Hồng T1: 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng;

Bị cáo Vũ Thanh T2 phạm tội " Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Thanh T2: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn T3 phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng;

Bị cáo Hoàng Văn D phạm tội " Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 1.000.000.000 (một tỷ) đồng;

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng vụ án theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Võ Hồng T1, Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Văn D xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Biên, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào ngày 16/11/2017, Võ Hồng T1, Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Văn D biết rõ hành vi vận chuyển gỗ Trắc thuộc nhóm I qua biên giới của mình là trái pháp luật nhưng vẫn vận chuyển

trái phép 284 lóng gỗ Trắc, trọng lượng 4.562,4 kg có giá thị trường là 866.856.000 đồng qua Cửa khẩu Quốc tế X thuộc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh nhưng không khai báo với Chi cục Hải quan cửa khẩu Xa Mát. Ngoài ra, Võ Hồng T1 còn vận chuyển trái phép 10.050 Đô la Mỹ (tương đương 225.612.450 đồng), 5.200.000 Kíp Lào (tương đương 14.092.000 đồng), 53.720.000 đồng. Tổng cộng số tiền T1 vận chuyển trái phép là 293.424.450 đồng. Hành vi của bị cáo Võ Hồng T1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới". Hành vi của các bị cáo Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Văn D đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa, qua biên giới" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, Cáo trạng số 14/QĐ/KSĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Văn D về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa, qua biên giới" và bị cáo Võ Hồng T1 về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới" theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, chính sách quản lý tiền tệ, lâm sản của Nhà nước, đe dọa đến môi trường, sự phát triển của nền kinh tế của đất nước. Do đó cần xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để có điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Đối với bị cáo Võ Hồng T1 là người thành niên vì lợi ích cá nhân đã chủ động thuê xe ô tô, thay đổi kết cấu của xe, nhằm che dấu lực lượng chức năng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác vận chuyển trái phép 284 lóng gỗ Trắc, trọng lượng 4.562,4 kg có giá thị trường là 866.856.000 đồng và bản thân trực tiếp còn vận chuyển trái phép 10.050 Đô la Mỹ (tương đương 225.612.450 đồng), 5.200.000 Kíp Lào (tương đương 14.092.000 đồng), 53.720.000 đồng. Tổng cộng số tiền T1 vận chuyển trái phép là 293.424.450 đồng thể hiện bị cáo T1 là vai trò cầm đầu, chủ mưu trong vụ án, nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Văn D khi nghe bị cáo T1 rủ rê đã tham gia tích cực trong việc mang vác, che dấu, vận chuyển trái phép 284 lóng gỗ Trắc, trọng lượng 4.562,4 kg có giá thị trường là 866.856.000 đồng thể hiện vai trò đồng phạm của các bị cáo nên các bị cáo phải chịu hình phạt như nhau nhưng nhẹ hơn bị cáo T1.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Riêng bị cáo T1 có cha là ông Võ Hồng

T1hái người có công với cách mạng, được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng Bằng khen vì có công bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, bị cáo T3 có cha là ông Nguyễn Khắc M có công với Tổ quốc được Chủ tịch Nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vào ngày 22/6/2018 các bị cáo Võ Hồng T1, Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Văn D có đơn xin được hưởng hình phạt tiền và đã tự nguyện nộp như sau: Bị cáo Võ Hồng T1 nộp 1.000.000.000 đồng; các bị cáo Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Văn D mỗi bị cáo nộp 800.000.000 đồng.

Xét thấy các bị cáo phạm tội về lĩnh vực kinh tế, các bị cáo tự nguyện nộp một số tiền lớn để bảo đảm việc thi hành án do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ sức dăn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

[7] Xử lý vật chứng:

7.1. Các tài sản là vật chứng vụ án có giá trị sự dụng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 284 khúc gỗ Trắc thuộc nhóm I trừ 03 khúc giữ lại làm giám định còn lại 281 khúc là vật chứng vụ án nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Số tiền 10.050 Đô la Mỹ, 5.200.000 Kíp Lào; 53.720.000 đồng tiền Việt Nam là vật chứng của vụ án nên cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia: RM-1134, số imel: 3536810845-11674 bị cáo T1 dùng để liện lạc vào việc giao nhận gỗ do vậy là công cụ phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

7.2. Các tài sản không có liên quan đến phạm tội cần tuyên trả cho các bị cáo gồm:

Đối với bị cáo Võ Hồng T1: Đối với số tiền 5.000 USD: Là ngoại tệ tiền mặt, thuộc trường hợp số tiền dưới mức quy định phải khai báo với Hải quan cửa khẩu khi nhập cảnh nên cần tuyên trả cho bị cáo T1. 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu hồng, model, CPH1609, số imel 1: 863660032491711; số imel 2: 863660032481703; bên trong có gắn 01 (một) sim mạng Viettel số 0968.426.788, sê-ri: 8984.0488.5100.1304.153; 01 (một) sim mạng Unitel (mạng di động Lào), chưa xác định số thuê bao; sê-ri: 8945.7030.0211.5069.122 tài sản không có liên quan đến phạm tội cần tuyên trả cho bị cáo T1. Tạm giao các tài sản trên cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh quản lý để đảm bảo việc thi hành án;

- 01 (một) giấy phép liên vận Việt Nam – Lào – Campuchia số 126/2017 của xe ô tô biển số 37B-006.54 do Tổng cục đường bộ Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải cấp ngày 19/9/2017; 01 (một) hộ chiếu số: C2322000, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 26/9/2016 cho Võ Hồng T1, sinh ngày

18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C3967454, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 19/9/2017 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C1037332, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 02/11/2015 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C3967201, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 19/9/2017 cho Trần Đức S, sinh ngày 10/10/1975; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 186410254, do Công an tỉnh N cấp ngày 07/10/2014 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985 đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo Võ Hồng T1 nên cần tuyên trả cho Võ Hồng T1.

Đối với bị cáo Vũ Thanh T2: 01 (một) giấy phép lái xe ô tô số: 400102002221, do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 16/7/2014 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977; 01 (một) hộ chiếu số: C3594437, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 05/7/2017 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 182338488, do Công an tỉnh N cấp ngày 24/3/2015 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977 đây là giấy tờ tùy thân và tài sản không có liên quan trong vụ án nên cần tuyên trả cho bị cáo Vũ Thanh T2.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3: 01 (một) hộ chiếu số: C0332057, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 23/4/2015 cho Nguyễn Văn T3, sinh ngày 14/11/1985; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imel: 865257039145651 đây là giấy tờ tùy thân và tài sản không có liên quan trong vụ án nên cần tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Văn T3;

Đối với bị cáo Hoàng Văn D: 01 (một) hộ chiếu số: B3883998, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 22/4/2010 cho Hoàng Văn D, sinh ngày 10/02/1977; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imel: 862651038484371 đây là giấy tờ tùy thân và tài sản không có liên quan trong vụ án nên cần tuyên trả cho bị cáo Hoàng Văn D;

7.3. Các tài sản, giấy tờ không có liên quan đến vụ án cần trả cho những người có quyền lợi nghĩ vụ liên quan gồm:

- 01 (một) xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại HB120, màu sơn: vàng; năm sản xuất: 2012; nước sản xuất: Việt Nam, biển số 37B-006.54, số khung: RN5B43-SAKCC000517; số máy: D6CAC236917, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012488, (biển số đăng ký 37B-006.54), nhãn hiệu Thaco, số loại HB120, màu sơn: vàng; năm sản xuất: 2012; nước sản xuất: Việt Nam; số khung RN5B43-SAKCC000517; số máy: D6CAC236917 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ tỉnh N cấp ngày 24/11/2012; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỷ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số KC 2993723 (biển số đăng ký 37B-006.54), do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3701S thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 20/6/2017 là phương tiện phạm tội tuy nhiên đây là bị cáo T1 thuê của anh Ngô Sỹ V, anh V không biết mục đích thuê xe của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội. Anh Ngô Sỹ V thuê xe của Công ty TNHH Một thành viên đầu tư T1thương mại và vật tải Thành V chưa hết hợp đồng do vậy cần tuyên trả lại cho anh Ngô Sỹ V 01 xe ô tô

khách nhãn hiệu Thaco, biển số 37B-006.54 để anh V tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê xe.

- 01 (một) hộ chiếu số: B8111302, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 28/6/2013 cho Hoàng H, sinh ngày 01/7/1967 đây là giấy tờ tùy thân không có liên quan đến vụ án, cần tuyên trả cho ông Hoàng H;

- 01 (một) hộ chiếu số: C2150058, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 02/11/2016 cho Nguyễn Ánh S, sinh ngày 15/01/1985; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số imel 1: 356446084039663; số imel 2: 356447084039661; bên trong có gắn 01 (một) sim mạng Viettel số 0976.667.286 các giấy tờ và tài sản trên không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tuyên trả cho anh Nguyễn Ánh S.

Đối với Ngô Sỹ V, Hoàng H, Nguyễn Ánh S không biết, không tham gia giúp Võ Hồng T1 vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên không đề nghị xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo Võ Hồng T1, Nguyễn Văn T3, Vũ Thanh T2, Hoàng Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Hồng T1 phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới"

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Hồng T1: 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng, khấu trừ số tiền tạm nộp 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo biên lai thu số 0001305 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, bị cáo T1 tiếp tục phải nộp 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T3, Vũ Thanh T2, Hoàng Văn D phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới"

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, khấu trừ số tiền tạm nộp 800.000.000 (T3 trăm triệu) đồng theo biên lai thu số 0001307 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, bị cáo T3 tiếp tục phải nộp 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T2: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, khấu trừ số tiền tạm nộp 800.000.000 (T3 trăm triệu) đồng theo biên lai thu số 0001306 ngày

22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, bị cáo T2 tiếp tục phải nộp 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, khấu trừ số tiền tạm nộp 800.000.000 (T3 trăm triệu) đồng theo biên lai thu số 0001309 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, bị cáo D tiếp tục phải nộp 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Căn cứ vào Điều 299, Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo sau đây đang bị tạm giam, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội khác: Bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Vũ Thanh T2.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên bố tịch thu sung quỹ Nhà nước: 281 khúc gỗ Trắc thuộc nhóm I; số tiền 10.050 Đô la Mỹ; 5.200.000 Kíp Lào; tiền Việt Nam 53.720.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia: RM-1134, số imel: 3536810845-11674.

Tuyên trả cho bị cáo Võ Hồng T1: 5.000 Đô la Mỹ và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu hồng, model, CPH1609, số imel 1: 863660032491711; số imel 2: 863660032481703; bên trong có gắn 01(một) sim mạng Viettel số 0968.426.788, sê-ri: 8984.0488.5100.1304.153; 01 (một) sim mạng Unitel (mạng di động Lào), chưa xác định số thuê bao, sê ri: 8945.7030.0211.5069.122 nhưng giao Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh để bảo đảm việc thi hành án.

Tuyên trả cho bị cáo Võ Hồng T1 những giấy tờ không có liên quan đến vụ án gồm: 01 (một) giấy phép liên vận Việt Nam – Lào – Campuchia số 126/2017 của xe ô tô biển số 37B-006.54 do Tổng cục đường bộ Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải cấp ngày 19/9/2017; 01 (một) hộ chiếu số: C2322000, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 26/9/2016 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C3967454, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 19/9/2017 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C1037332, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 02/11/2015 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985; 01 (một) hộ chiếu số: C3967201, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 19/9/2017 cho Trần Đức S, sinh ngày 10/10/1975; 01(một) chứng minh nhân dân số: 186410254, do Công an tỉnh N cấp ngày 07/10/2014 cho Võ Hồng T1, sinh ngày 18/6/1985.

Tuyên trả cho bị cáo Vũ Thanh T2: 01 (một) giấy phép lái xe ô tô số: 400102002221, do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 16/7/2014 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977; 01 (một) hộ chiếu số: C3594437, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 05/7/2017 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 182338488, do Công an tỉnh N cấp ngày 24/3/2015 cho Vũ Thanh T2, sinh ngày 02/6/1977.

Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Văn T3: 01 (một) hộ chiếu số: C0332057, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 23/4/2015 cho Nguyễn Văn

T3, sinh ngày 14/11/1985; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imel: 865257039145651.

Tuyên trả cho bị cáo Hoàng Văn D: 01 (một) hộ chiếu số: B3883998, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 22/4/2010 cho Hoàng Văn D, sinh ngày 10/02/1977; 01(một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imel: 862651038484371.

Tuyên trả cho anh Ngô Sỹ V: 01 (một) xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại HB120, màu sơn: vàng; năm sản xuất: 2012; nước sản xuất: Việt Nam, biển số 37B-006.54, số khung: RN5B43-SAKCC000517; số máy: D6CAC236917, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012488, (biển số đăng ký 37B-006.54), nhãn hiệu Thaco, số loại HB120, màu sơn: vàng; năm sản xuất: 2012; nước sản xuất: Việt Nam; số khung RN5B43-SAKCC000517; số máy: D6CAC236917 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ tỉnh N cấp ngày 24/11/2012; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỷ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số KC 2993723 (biển số đăng ký 37B-006.54), do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3701S thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 20/6/2017.

Tuyên trả cho ông Hoàng H: 01 (một) hộ chiếu số: B8111302, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 28/6/2013 cho Hoàng H, sinh ngày 01/7/1967.

Tuyên trả cho anh Nguyễn Ánh S: 01 (một) hộ chiếu số: C2150058, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cấp ngày 02/11/2016 cho Nguyễn Ánh S, sinh ngày 15/01/1985; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số imel 1: 356446084039663; số imel 2: 35644708403966; bên trong có gắn 01 (một) sim mạng Viettel số 0976.667.286; 01 (một) sim mạng Unitel (mạng di động Lào), chưa xác định số thuê bao.

4. Về án phí:

Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội buộc các bị cáo Võ Hồng T1, Vũ Thanh T2, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 nghìn đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong T2 hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt T2 hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; T2 hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- Sở tư pháp TN;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện TânBiên;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án;L.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Ngọc An